

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ NGỌC XƯƠNG

Trường mầm non tư thục Minh Anh, Quận 11, TP HCM

Tóm tắt: Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường mầm non ngoài công lập Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh trẻ nhận thức tương đối đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động này, đồng thời đã chú trọng đến công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuy nhiên, trên thực tế công tác quản lý hoạt động này vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như: Lực lượng tham gia quản lý còn mỏng; Quản lý nội dung, hình thức và phương pháp phối hợp, kiểm tra, đánh giá kết quả phối hợp, điều kiện hỗ trợ còn nhiều hạn chế và bất cập... Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng, bài viết đề xuất những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường mầm non ngoài công lập.

Từ khoá: Quản lý, Quản lý hoạt động phối hợp, Gia đình, Nhà trường, Chăm sóc, Giáo dục, Trẻ mầm non.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ và kinh tế xã hội đã kéo theo sự thay đổi và phát triển giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục mầm non nói riêng. Vấn đề chăm sóc và giáo dục trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta quan tâm chú trọng, đây là một nội dung cơ bản của chiến lược con người, góp phần xây dựng một xã hội phát triển lành mạnh, văn minh, đồng thời là cơ sở để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, đóng góp vào sự thành công của công cuộc phát triển và đổi mới của đất nước. Đảng và Nhà nước, Bộ GD-ĐT đã có nhiều văn bản tạo hành lang pháp lý nhằm nâng cao vai trò, vị trí của giáo dục mầm non trong chiến lược đào tạo con người. Hội nghị Trung ương 8 khóa XI thông qua đã khẳng định mục tiêu cụ thể đối với giáo dục mầm non là giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp một. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và miễn học phí trước năm 2020. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục [1].

Sự phối hợp giữa nhà trường (NT) và gia đình (GD) trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với hiệu quả giáo dục. A.X Macazenko (1888 – 1939), nhà giáo dục Nga đã khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục trẻ, trong đó, cha mẹ là người phải có trách nhiệm cùng với nhà trường và xã hội phối hợp trong việc thống nhất giáo dục trẻ [2]. Trong tác phẩm “Vấn đề về con người” của Jonh Dewey (1859-1952) - nhà giáo dục Mỹ viết năm 1946 đã khẳng định nếu không có sự kết hợp giữa giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình thì nền dân chủ không thể tồn tại lâu dài, càng không thể nói tới sự phát triển [3]. Như vậy, việc giáo dục, chăm sóc, bồi dưỡng, giáo dục rèn luyện các phẩm chất và năng lực của trẻ mầm non luôn luôn đòi hỏi sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ của nhiều lực lượng xã hội và nhất là đòi hỏi sự quan tâm đúng cách của nhà trường, gia đình của trẻ. Đồng thời, quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình cần được quan tâm, chú trọng và xác định đúng đắn mục tiêu quản lý; thực hiện nội dung; lựa chọn phương pháp, hình thức và kiểm tra - đánh giá hoạt động quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa NT và GD trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường Mầm non ngoài công lập trên địa bàn Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đã khảo sát 185 cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV), 186 phụ huynh (PH) của 11 trường Mầm non ngoài công lập. Các phương pháp được sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; phương pháp phỏng vấn và phương pháp thống kê toán học. Kết quả khảo sát được sử dụng phần mềm SPSS 16.0 để xử lý. Kết quả cho thấy Cronbach's Alpha là 0.894, như vậy bảng hỏi có độ tin cậy.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và PH trẻ về tầm quan trọng của quản lý hoạt động phối hợp

TT	Các mức độ đánh giá	CBQL + GV		PH trẻ	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Rất quan trọng	122	65,9	85	45,7
2	Quan trọng	63	34,1	101	54,3
3	Ít quan trọng	0	0,0	0	0,0
4	Không quan trọng	0	0,0	0	0,0
Tổng		185	100	186	100

Qua số liệu ở bảng 1 cho thấy, có 100% CBQL, GV và PH trẻ đều đánh giá ở mức “Quan trọng” và “Rất quan trọng”. Đây là điều kiện thuận lợi, bởi lẽ với kết quả này có thể khẳng định rằng dù ít hay nhiều thì CBQL, GV và PH trẻ đã thấy được tầm quan trọng của quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Do vậy, để nâng cao chất lượng và hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ đòi hỏi các

CBQL; GV và PH phải nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường - gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường mầm non, khi đó họ mới cùng nhau đề sắp xếp thời gian, hỗ trợ tích cực trong hoạt động này phối hợp.

Với tỷ lệ 65,9% CBQL; GV đánh giá ở mức rất quan trọng so với 45,7% PH trẻ đánh giá mức rất quan trọng và 34,1% CBQL; GV đánh giá ở mức quan trọng so với 54,3% PH trẻ đánh giá mức quan trọng; điều này khẳng định CBQL; GV có nhận thức sâu sắc hơn PH trẻ. Tuy vậy, vấn đề nhận thức của một bộ phận CBQL; GV và 54,3% PH trẻ chỉ đánh giá ở mức quan trọng cho thấy việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho CBQL; GV và PH trẻ ở các trường Mầm non trong hoạt động phối hợp vẫn chưa đạt hiệu quả cao nhất, qua trao đổi với một số GV cho thấy vẫn còn một số trường mầm non chưa tuyên truyền nâng cao nhận thức cho CBQL; GV và đặc biệt là PH trẻ hiểu rõ vai trò tác dụng của quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Chính vì thế, hiệu trưởng các trường Mầm non cần có kế hoạch và dành thời gian để tuyên truyền đến GV và PH trẻ nắm rõ tác dụng của quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ là rất quan trọng.

3.2. Thực trạng quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ

Quản lý mục tiêu của hoạt động phối hợp giữa NT và GD trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường Mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách. Hình thành và phát triển ở trẻ em những năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học tập ở các cấp học tiếp theo. Muốn đạt được những mục tiêu giáo dục đó thì người trưởng ở trường Mầm non cần phải thực hiện quản lý mục tiêu của việc phối hợp này.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và PH trẻ về quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động phối hợp trong chăm sóc, giáo dục trẻ

TT	Nội dung quản lý mục tiêu phối hợp	Mức độ thực hiện			
		CBQL, GV		PH trẻ	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Mục tiêu phối hợp giáo dục về mặt thể chất	3.24	0.51	2.73	0.44
2	Mục tiêu phối hợp giáo dục về mặt ngôn ngữ	2.77	0.56	2.73	0.45
3	Mục tiêu phối hợp giáo dục trẻ về mặt nhận thức	2.68	0.47	2.63	0.48
4	Mục tiêu giáo dục trẻ về mặt tình cảm và xã hội	3.14	0.48	2.82	0.39
5	Mục tiêu phối hợp trong giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ	3.25	0.48	2.64	0.48
6	Mục tiêu phối hợp nhằm tạo tâm lý tích cực cho trẻ đến lớp	3.09	0.50	2.64	0.48

* Ghi chú: $1 \leq \bar{X} \leq 4$; \bar{X} : Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Qua kết quả thống kê bảng 2 cho thấy, ở 06 nội dung quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ được CBQL, GV đánh giá có mức điểm trung bình từ (2.68 đến 3.25), trong khi đó sự đánh giá này ở phụ huynh trẻ lại có điểm số trung bình dao động từ (2.63 đến 2.73). Điều này thể hiện sự chênh lệch trong cách đánh giá của hai đối tượng khảo sát. Thực tế cho thấy, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên là những người thực tiếp tham gia vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ nên là người hiểu rõ về các mục tiêu trong việc phối hợp để chăm sóc, giáo dục trẻ. Do vậy, đánh giá của GV thường cao hơn phụ huynh trẻ.

Trong các nội dung được khảo sát, CBQL và GV cho rằng quản lý việc thực hiện mục tiêu chăm sóc, giáo dục về mặt thể chất là quan trọng nhất, bởi lẽ ở lứa tuổi mẫu giáo việc chăm sóc, giáo dục để các em có được sự phát triển hài hoà về mặt thể chất là nền tảng vô cùng quan trọng cho định hướng phát triển nhân cách trong tương lai. Ngược lại mục tiêu về phát triển nhân thức được đánh giá ở mức độ thấp nhất trong các mục tiêu được khảo sát. Điều này có thể cho thấy đối với học sinh mầm non cần chú trọng phát triển các nhân tố như thể chất, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, và yếu tố tâm lý để định hướng cho sự phát triển là vô cùng quan trọng. Bởi tính đặc thù trong hoạt động ở lứa tuổi mầm non đó là hoạt động vui chơi.

3.3. Thực trạng về quản lý việc thực hiện các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ

Số liệu thống kê cho thấy, sáu nội dung khảo sát ý kiến của CBQL, GV và PH trẻ có thể nhận định được rằng sự đánh giá của CBQL, GV và PH trẻ có sự nhận định khá tương đồng về điểm số trung bình khi đánh giá về quản lý việc thực hiện các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Cụ thể sự đánh giá của CBQL, GV về nội dung phát triển thể chất; Phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe với ĐTB là 3.16; trong khi đó đánh giá về nội dung này của PH trẻ ĐTB là 2.63. Với kết quả này cho thấy CBQL; GV có nhận thức và hiểu biết về tác dụng của việc phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe là rất cần thiết. Điều này đòi hỏi CBQL các nhà trường cần tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho một bộ phận CBQL; GV và PH trẻ để họ hiểu hơn về tác dụng tích cực khi phối hợp phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe cho trẻ.

Nội dung giáo dục ngôn ngữ gồm: Nghe; nói; làm quen với sách; làm quen với việc đọc, viết thì được CBQL, GV và PH trẻ đánh giá có sự tương đồng, đều cho kết quả đánh giá giống nhau là 2.46. Như vậy CBQL, GV và PH trẻ đều có nhận thức giống nhau trong phối hợp để giáo dục ngôn ngữ cho trẻ. Tuy vậy, với kết quả đánh giá là 2.46 là kết quả chưa cao, đòi hỏi CBQL cần tăng cường rà soát để lựa chọn các biện pháp nhằm nâng cao sự phối hợp trong giáo dục ngôn ngữ cho trẻ. Trong khi đó CBQL; GV đánh giá thấp hơn PH trẻ về nội dung giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ gồm: Luyện các giác quan; khám phá khoa học; khám phá xã hội và cho trẻ làm quen với khái niệm sơ đẳng về toán. Giá trị trung bình mà CBQL; GV đánh giá về nội dung này là 2.48; khi đó PH trẻ đánh giá là 2.63. Điều này cho thấy, một bộ phận CBQL; GV chưa hiểu rõ về nội dung giáo dục này, đây là nội dung quan trọng nhằm giáo dục phát triển nhận thức cho

trẻ luyện giác quan; khám phá khoa học; khám phá xã hội và cho trẻ làm quen với khái niệm sơ đẳng về toán, tuy vậy, việc đánh giá về nội dung của CBQL; GV thấp hơn PH trẻ là vấn đề đáng lo ngại, nếu hiệu trưởng các nhà trường không có kế hoạch để nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực cho giáo viên nhằm lĩnh hội được chắc chắn vấn đề giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ luyện giác quan; khám phá khoa học; khám phá xã hội và cho trẻ làm quen với khái niệm sơ đẳng về toán, thì kết quả phối hợp giữa nhà trường và gia đình sẽ không được như mong muốn, bởi lẽ CBQL; GV là những người có kiến thức chuyên môn, phải nắm vững các nội dung giáo dục mới có thể chia sẻ kiến thức để phối hợp với gia đình trong chăm sóc giáo dục trẻ tốt hơn được.

3.4. Thực trạng quản lý việc thực hiện phương pháp và hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ

Kết quả khảo sát cho thấy đánh giá của CBQL và GV về mức độ thực hiện quản lý việc thực hiện phương pháp và hình thức phối hợp chỉ ở mức từ (2.51 đến 2.62) và các giá trị trung bình mà PH trẻ đánh giá từ (2.37 đến 2.91). So sánh đối chiếu về việc đánh giá những kết quả thực hiện phương pháp và hình thức hoạt động phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường Mầm non quận 11, thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có năm phương pháp và hình thức khảo sát ý kiến thì có ba phương pháp có kết quả giá trị trung bình đánh giá của CBQL; GV thấp hơn so và hình thức với kết quả đánh giá của PH trẻ, đây là vấn đề đáng lo ngại, bởi lẽ qua kết quả đánh giá này có thể thấy được việc sử dụng các phương pháp phối hợp trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Vì thế, CBQL; GV phải là lực lượng nòng cốt, hiểu biết về phương pháp giáo dục để hỗ trợ về chuyên môn với PH trẻ khi đó mới đạt hiệu quả cao trong công tác phối hợp hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Trong đó có hai nhóm phương pháp trực quan minh họa và nhóm phương pháp dùng lời nói được CBQL; GV đánh giá 2.61 và PH trẻ đánh giá là 2.37.

Từ thực trạng này có thể nhận định rằng sự hiểu biết về các nhóm phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường Mầm non quận 11, thành phố Hồ Chí Minh là chưa được tốt và có sự chênh lệch về nhận thức và kiến thức về phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ. Điều quan trọng là có đến ba nhóm phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ mà CBQL; GV đánh giá có giá trị trung bình thấp hơn PH trẻ, như thế sẽ rất khó để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, bởi lẽ CBQL; GV là những người có kiến thức về chuyên môn. Chính vì vậy, hiệu trưởng các trường Mầm non cần rà soát những hạn chế trong việc quản lý phương pháp và hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

3.5. Thực trạng về quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ

Qua số liệu thống kê từ kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ mới chỉ đạt ở mức độ trung bình khá. Điều đáng lưu ý là kết quả đánh giá của về hoạt động này của CBQL; GV thấp hơn PH trẻ như: Công tác kiểm tra đánh giá việc phối hợp thực hiện chăm sóc - giáo dục trẻ, CBQL; GV đánh giá ở mức 2.48,

còn PH trẻ đánh giá ở mức 2.91; CBQL; GV đánh giá công tác kiểm tra đánh giá việc phối hợp thực hiện phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ là 2.50; trong khi đó PH trẻ đánh giá ở mức 2.82. Mặc dù sự chênh lệch về kết quả đánh giá này là không nhiều, nhưng qua số liệu thống kê này cho thấy mức độ thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chăm sóc phối hợp nhằm giáo dục trẻ là chưa tốt, mức độ thực hiện mới chỉ dừng lại ở mức trung bình khá, điều này đòi hỏi hiệu trưởng các trường cần rà soát và điều chỉnh những tồn tại để thực hiện tốt hơn công tác này.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và PH trẻ về quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			
		CBQL, GV		PH trẻ	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Kiểm tra đánh giá việc phối hợp thực hiện chăm sóc - giáo dục trẻ	2.48	0.50	2.91	0.28
2	Kiểm tra đánh giá việc phối hợp thực hiện nội dung chăm sóc giáo dục trẻ	2.54	0.55	2.54	0.50
3	Kiểm tra đánh giá việc phối hợp thực hiện phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ	2.50	0.55	2.82	0.38

* Ghi chú: $1 \leq \bar{X} \leq 4$; \bar{X} : Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn

3.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và PH trẻ về các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	CBQL + GV		PH trẻ	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
1	Năng lực quản lý tổ chức phối hợp của CBQL, GV và PH trẻ	53	28,6	102	54,8
2	Quy chế phối hợp	70	37,8	91	48,9
3	Kinh phí hạn hẹp	85	45,9	33	17,7
4	Cha mẹ của trẻ không phối hợp	65	35,1	85	45,7
5	Tài liệu phối hợp thiếu	41	22,2	136	73,1
6	Phương pháp phối hợp chưa hiệu quả	40	21,6	65	34,9
7	Nội dung phối hợp chưa phong phú	56	30,3	16	8,6
8	Cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu	54	29,2	75	40,3
9	Cha mẹ trẻ tham gia thiếu tích cực;	99	53,5	68	36,6
10	Trình độ nhận thức của cha mẹ trẻ còn thấp	74	40,0	85	45,7
11	Cha mẹ của trẻ bận làm việc	103	55,7	98	52,7
12	Không có thời gian để phối hợp	95	51,4	102	54,8

Với kết quả số liệu thống kê ở bảng 4 cho thấy, những đánh giá của CBQL; GV và PH trẻ về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường Mầm non cho thấy, các mức độ ảnh hưởng của các yếu tố được CBQL; GV đánh giá với tỉ lệ dao động từ (21,6% đến 55,7%). Trong khi đó, PH trẻ đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố lại có tỉ lệ từ 8,6% đến 73,1%. Từ những kết quả đánh giá cho thấy quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường Mầm non công lập Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh chịu tác động của nhiều yếu tố. Trong đó, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng được CBQL, GV đánh giá vượt trên 50% như: Cha mẹ trẻ tham gia thiếu tích cực; 55,7 CBQL; GV cho rằng cha mẹ của trẻ bận công việc và 51,4% không có thời gian để phối hợp. Trong khi đó, cũng có nhiều nội dung mà PH trẻ cho rằng mức độ ảnh hưởng trên 50% như: Năng lực quản lý tổ chức HĐPH của một bộ phận CBQL; GV; NV; cha mẹ của trẻ còn hạn chế 54,8; Tài liệu phối hợp thiếu 73,1%; Cha mẹ của trẻ bận làm việc 52,7%; Không có thời gian để phối hợp 54,8%. Từ thực tế khảo sát cho thấy để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường Mầm non cần phải có sự vào cuộc của các lực lượng giáo dục, đặc biệt là ban giám hiệu các trường mầm non. Có như vậy mới nâng cao được chất lượng giáo dục cho các trường Mầm non trong bối cảnh toàn giáo dục đang hướng tới đổi mới căn bản toàn diện.

3.7. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ

** Ưu điểm*

Qua khảo sát và phân tích thực trạng cho thấy công tác quản lý hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường Mầm non ngoài công lập quận 11, thành phố Hồ Chí Minh đã được quan tâm và bước đầu có hiệu quả. Đa số CBQL; GV và PH trẻ đã nhận thức vai trò quan trọng của quản lý hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường mầm non ngoài công lập và đã đưa ra được những biện pháp quản lý phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Do vậy, từ thực trạng được phân tích, đánh giá có thể thấy công tác quản lý hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường Mầm non ngoài công lập quận 11, thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần tích cực trong hoạt động phối hợp giữa nhà trường chăm sóc giáo dục trẻ.

** Hạn chế*

Từ kết quả khảo sát thực trạng, chúng tôi nhận thấy vẫn còn một số bộ phận CBQL, GV và PH trẻ chưa nhận thấy được vai trò quan trọng của hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường Mầm non. Hoạt động quản lý phối hợp đã được triển khai thực hiện nhưng chưa khoa học và hiệu quả chưa cao, nhiều vấn đề còn bất cập trong quá trình quản lý, công tác bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng, nội dung hình thức, phương pháp cho hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa nhiều, dẫn đến nhiều CBQL; GV và PH trẻ lúng túng khi thực hiện công tác phối hợp qua các kết quả khảo sát đã thấy được những tồn tại này. Công tác tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá chưa nhiều và

thiếu khoa học. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều yếu tố khó khăn làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động phối hợp như cơ chế chính sách, tài chính hỗ trợ, cơ sở vật chất, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của PH trẻ.

Nhiều PH trẻ vẫn còn cho rằng quản lý hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường Mầm non là trách nhiệm của nhà trường. Do đó, nhiều PH trẻ giao khoán cho nhà trường, cho giáo viên phụ trách quản lý giáo dục học sinh. Với những khó khăn hạn chế đó, hiệu trưởng các trường Mầm non ngoài công lập quận 11, thành phố Hồ Chí Minh cần phải rà soát điều chỉnh để nâng cao nhận thức cho PH trẻ về tầm quan trọng của hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ và phối hợp với PH trẻ để tìm ra các biện pháp quản lý hiệu quả hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ được tốt hơn.

** Nguyên nhân của thực trạng*

Qua kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng hoạt động phối hợp quản lý công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường Mầm non ngoài công lập, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi rút ra một số nguyên nhân sau: Vẫn tồn tại một bộ phận CBQL; GV và PH trẻ chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động phối hợp quản lý công tác chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường Mầm non ngoài công lập; Công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực và các kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động phối hợp nên hiệu quả hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường Mầm non chưa cao; Điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất cho chăm sóc giáo dục trẻ ở các trường mầm non cơ bản đáp ứng nhưng chưa đầy đủ, chưa phát huy hiệu quả các hoạt động; Công tác tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá chưa được lãnh đạo các trường Mầm non quan tâm đúng mức; Phương pháp và hình thức phối hợp chưa đa dạng; Thời gian dành cho hoạt động phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ còn ít.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường Mầm non ngoài công lập Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh cho thấy CBQL, GV và PH trẻ đã nhận thức tương đối đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động này. Các nhà trường đã chú trọng trong công tác quản lý hoạt động phối hợp. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như: Các nội dung phối hợp chưa toàn diện; Phương pháp và hình thức phối hợp chưa thật sự phong phú, còn đơn điệu; Các cơ chế phối hợp chưa được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế. Do vậy, để nâng cao chất lượng cho quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục cho trẻ ở các trường Mầm non ngoài công lập cần tập trung vào các vấn đề sau: (1) Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, PH trẻ về tầm quan trọng của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ; (2) Chú trọng đổi mới nội dung, đa dạng hoá phương pháp và hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ; (3) Đảm bảo các điều kiện cần thiết phục vụ cho hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ; (4) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường và gia đình

trong chăm sóc, giáo dục trẻ; (5) Đẩy mạnh quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). Nghị quyết 29, Hà Nội ngày 1 tháng 11 năm 2013.
- [2] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005). *Luật Giáo dục*, Luật số 38/2005/QH11, ngày 14 tháng 6 năm 2005.
- [3] John Dewey (2008). *Dân chủ và Giáo dục*, NXB Tri Thức, tr.390.
- [4] A.X.Makarenko (1962). Bài ca Sư phạm, nhà xuất bản Văn hoá – Viện văn học Hà Nội.
- [5] Phạm Khắc Chương (1998). *Phối hợp việc giáo dục giữa gia đình với nhà trường và các thể chế xã hội khác*, NXB Giáo dục.

Title: THE CURRENT SITUATION OF MANAGEMENT OF COORDINATION ACTIVITIES BETWEEN SCHOOL AND FAMILY, IN CARE AND YOUTH EDUCATION IN PRESCHOOL CHILDREN OF DISTRICT 11, HO CHI MINH CITY

Abstract: The study aims to assess the current situation of managing the coordination between schools and families in taking care and teaching children at non-public preschools in District 11, Ho Chi Minh City. Findings show that managers, teachers and young parents were fully aware of the meaning and necessary of this activity. Preschools have focused on managing coordination activities between schools and families in teaching children. However, this activity had certain limitations such as: The human resources for management force was thin; The content, form and method of coordination were not diversified; Manage and evaluate the results of coordination were apart from reality; The conditions of support did not meet the requirement of the reality. Based on the results of this study, the article proposed some recommendations to improve the effectiveness of management of coordination activities between schools and families in taking care and teaching students in non-public preschools.

Keywords: Management, managing coordinated activities, family, school, teaching and caring, education, preschool children.